TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**16**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 07-5-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: ông Dương Thế Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 467/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60 /2019/QĐXX - ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1972 (có mặt)
Địa chỉ: thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* anh Nông Văn C; Sinh năm: 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Nông Văn C tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới năm 2003. Nhưng đến ngày 19 tháng 09 năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chúng tôi chung sống với nhau đến đầu năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hút chích ma túy. Khi đó tôi biết được và chính bản thân tôi thuyết phục can ngăn để anh đi

vào con đường chân chính nhưng anh ấy không thay đổi. Đến năm 2016 anh đã nghiện nặng và anh đã lén lấy hết đồ vật dụng có giá trị trong nhà mang đi bán để tiếp tục hút ma túy. Đầu năm 2017 anh đã bắt tôi phải đưa cho anh mỗi ngày 200.000 mà công đi làm thuê không đủ cho anh nhưng sau đó tôi thấy anh nói ngọt với tôi là cho anh đi cai nghiện. Nhưng đến cuối năm 2017 anh càng nghiện nặng hơn và suốt ngày anh đã bắt tôi phải đi vay tiền cho anh nếu không đưa cho anh là anh có những thái độ nóng giận với vợ con. Nên đến nay tôi cảm thấy không chịu đựng được nữa cũng như kiệt quệ về kinh tế gia đình và sự mâu thuẫn lớn của vợ chồng kéo dài quá lâu đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 con chung gồm Nông Đức V; sinh ngày: 29/01/2004 và Nông Thị Mỹ T, sinh ngày: 08/10/2007. Hiện nay hai cháu đang sống với chị T tại thôn 4, xã T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nông Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Quá trình làm việc anh C thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không làm việc được. Tòa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nhận thấy anh C là người nghiện ma túy đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã nhưng vẫn tái phạm 27/12/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc. Cuộc sống giữa gia đình chị T và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh C thường xuyên đi khỏi địa phương, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh C không có yêu cầu phản tố.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51; Điều 52; 53; 54; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị T

- Về con chung: Giao 02 cháu Nông Đức V; sinh ngày: 29/01/2004 và cháu Nông Thị Mỹ T, sinh ngày 08/10/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; giấy kết hôn;
- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị T và anh Nông Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 05/2006 ngày 19/9/2006 đã được chị Tiến giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thị T và anh Nông Văn C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T khai, chị và anh C chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hút chích ma túy. Chị T đã thuyết phục can ngăn để đi vào con đường chân chính nhưng anh ấy không thay đổi. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng vì anh chức đã nghiện nặng và anh đã lén lấy hết đồ vật dụng có giá trị trong nhà mang đi bán để tiếp tục hút ma túy. Đến cuối năm 2017 anh càng nghiện nặng hơn. Đến nay tôi cảm thấy không chịu đựng được nữa cũng như kiệt quệ về kinh tế gia đình và sự mâu thuẫn lớn của vợ chồng kéo dài quá lâu đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống. Theo tài liệu Tòa án thu thập vào ngày 27/12/2018 anh Nông Văn C bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 65 của Tòa án nhân dân huyện B nhưng đến nay chưa đi cai nghiện vì anh C đã bỏ trốn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn gia đình xuất phát từ anh C và mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng làm mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được. Mặt khác theo lời khai của người làm chứng phía nguyên đơn cung cấp anh C nghiện ma túy khoảng 10 năm nay, từ khi cai nghiện đến nay anh C không lao động, tất cả mọi việc gia đình do chị T lo. Gần đây anh C thường xuyên hành hung chị T. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có mặt và cũng không gửi văn bản nào cho Tòa án. Như vậy có đủ cơ sở anh C vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có nguyện vọng ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận của anh chị.

[2] Về con chung: có 02 con chung gồm Nông Đức V; sinh ngày: 29/01/2004 và Nông Thị Mỹ T, sinh ngày: 08/10/2007. Hiện nay hai cháu đang sống với chị T tại thôn 4, xã T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Xét thấy hiện nay cả 02 cháu đang sống với chị T. Mặt khác anh

C nghiện ma túy. Do đó, điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc 02 cháu chị T có điều kiện tốt hơn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi 02 cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Tiến phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T về việc ly hôn. Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nông Văn C.

[2] Về con chung: Giao cháu giao Nông Đức V; sinh ngày: 29/01/2004 và Nông Thị Mỹ T, sinh ngày: 08/10/2007 cho Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022468 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Điểu Thị Hạnh